

VẬN DỤNG MẠNG XÃ HỘI TRONG GIẢNG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH GIAO TIẾP CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ THANH THẢO
CÁI MINH THUẬN

Trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 10/01/2026. Sửa chữa xong 03/03/2026. Duyệt đăng 10/03/2026.

Abstract

This study investigates the current situation and potential of integrating social media into the teaching and learning of communicative English for non-English-major students at Ho Chi Minh City College of Industry and Trade. A mixed-methods approach was employed, using an online questionnaire administered to 135 students enrolled in English 1, English 2, and English 3 courses. Descriptive statistics were used to analyze the frequency of social media use, preferred platforms, learning time, levels of distraction, students' attitudes, and suggested forms of application in communicative English classes. The findings reveal that most students use social media to support their learning of communicative English, with TikTok and Facebook being the most popular platforms. However, learning time remains limited and distraction is still a notable challenge. Despite this, students show positive attitudes and strong willingness to integrate social media into classroom activities, indicating its potential as an effective supplementary tool when applied with appropriate pedagogical guidance.

Keywords: Communicative English, non-English-major students, social media.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ giao tiếp quốc tế thiết yếu, không chỉ đối với những người học chuyên ngữ mà còn với sinh viên (SV) thuộc mọi ngành nghề. Đối với SV không chuyên ngữ tại các trường cao đẳng, đặc biệt là tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh, việc sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp không chỉ hỗ trợ trong học tập mà còn là lợi thế cạnh tranh trong môi trường làm việc đa quốc gia sau này. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều SV không chuyên gặp khó khăn trong việc giao tiếp tiếng Anh do thiếu môi trường luyện tập, tâm lý e ngại và phương pháp học chưa phù hợp với đặc điểm của người học trong thời đại số.

Song song đó, mạng xã hội (MXH) ngày càng khẳng định vai trò to lớn trong đời sống hàng ngày của giới trẻ, đặc biệt là SV. Các nền tảng như Facebook, Zalo, TikTok, Instagram hay YouTube không chỉ là công cụ kết nối và giải trí mà còn dần được khai thác như môi trường học tập hiệu quả. Việc học Tiếng Anh thông qua MXH giúp SV tiếp cận nguồn tài nguyên phong phú, thực hành giao tiếp trong ngữ cảnh thực tế, đồng thời tăng tính chủ động và hứng thú học tập. Đặc biệt, đối với SV không chuyên ngữ, môi trường học tập linh hoạt, thân thiện và ít áp lực từ MXH có thể là giải pháp giúp nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên và hiệu quả hơn.

Mặc dù việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông đã xuất hiện cách đây vài thập kỷ, tuy nhiên với sự bùng nổ của MXH như đã nêu trên, việc ứng dụng các công cụ này là một vấn đề rất thời sự trong nghiên cứu giảng dạy ngoại ngữ nói chung cũng như tiếng Anh nói riêng. Thực trạng sử dụng MXH để học Tiếng Anh của người học ra sao đối với SV không chuyên ngữ Trường Cao đẳng Công

Email: caiminhthuan0205@gmail.com

Thương TP. Hồ Chí Minh như thế nào, giáo viên có những phương cách nào để kết hợp MXH vào các bài giảng hoặc đưa nó vào một phần lớp học ngoại ngữ của mình đang là những đề tài được quan tâm bởi các nhà nghiên cứu cũng như bản thân các giáo viên.

2. Tổng quan về lý thuyết

2.1. Định nghĩa mạng xã hội

MXH (social media) là một hình thức giao tiếp trực tuyến phổ biến, cho phép người dùng tạo hồ sơ cá nhân, chia sẻ nội dung, tương tác và kết nối với người khác thông qua các nền tảng kỹ thuật số. [2] Theo Kaplan và Haenlein (2010), MXH là “một nhóm các ứng dụng dựa trên nền tảng Internet và công nghệ Web 2.0, cho phép người dùng tạo ra, chia sẻ và trao đổi nội dung” (tr. 61). Các nền tảng phổ biến như Facebook, YouTube, Instagram, Zalo hay TikTok không chỉ đóng vai trò là công cụ giải trí mà còn là phương tiện hỗ trợ học tập hiệu quả. Tess (2013) cho rằng MXH tạo điều kiện cho việc xây dựng môi trường học tập cộng tác, tăng cường sự tham gia của người học, và mở rộng không gian học vượt ra ngoài lớp học truyền thống [6]. Đối với SV, đặc biệt là SV không chuyên ngữ, MXH mang lại môi trường học thân thiện, quen thuộc, giúp giảm áp lực và tăng động lực trong việc sử dụng tiếng Anh trong thực tiễn giao tiếp.

MXH là những công cụ công nghệ thông tin và truyền thông được sử dụng bởi con người để giao tiếp trực tuyến. Theo Kaplan & Haenlein (2010), MXH là một nhóm ứng dụng internet cho phép tạo ra nhiều nội dung khác nhau trên thế giới [2]. Nhiều loại MXH đã xuất hiện trong thập kỷ qua, ví dụ như Facebook, Twitter, Instagram, Youtube, v.v [3]. Những MXH này thường được sử dụng bởi mọi người, đặc biệt là SV đại học vì chúng là mang đến những tiện ích tuyệt vời và những điều thú vị đối với họ.

2.2. Định nghĩa tiếng Anh giao tiếp

Tiếng Anh giao tiếp được hiểu là khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh một cách linh hoạt và hiệu quả trong các bối cảnh giao tiếp thực tiễn, với trọng tâm là diễn đạt ý nghĩa, phản hồi phù hợp và duy trì sự tương tác hơn là tuân thủ máy móc các quy tắc ngữ pháp. Khác với phương pháp giảng dạy truyền thống thiên về cấu trúc ngữ pháp và từ vựng, tiếng Anh giao tiếp hướng đến việc phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ để thực hiện các chức năng giao tiếp cụ thể trong đời sống hằng ngày và môi trường chuyên môn. Theo Richards (2006), phương pháp dạy học dựa trên giao tiếp “sử dụng các tình huống thực tế đòi hỏi người học phải giao tiếp”, từ đó giúp người học phát triển kỹ năng ngôn ngữ thông qua quá trình tương tác có ý nghĩa [5]. Cách tiếp cận này nhấn mạnh vai trò của ngữ cảnh, mục đích giao tiếp và nhu cầu cá nhân, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp toàn cầu.

2.3. Các nội dung lý thuyết

Việc vận dụng MXH trong giảng dạy tiếng Anh giao tiếp cho SV không chuyên ngữ không chỉ là giải pháp công nghệ đơn thuần, mà còn cần được đặt trong khuôn khổ lý luận sư phạm và tâm lý học giáo dục. Trước hết, lý thuyết dạy học giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT) là cơ sở cốt lõi cho việc phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong tình huống thực tiễn. Theo Richards (2006), CLT đề cao việc sử dụng ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp thay vì chỉ tập trung vào cấu trúc ngữ pháp [6]. MXH, với khả năng tạo ra các tình huống giao tiếp thực hoặc mô phỏng, cho phép người học tham gia vào các hoạt động như phản hồi bình luận, tạo video nói tiếng Anh, hoặc tham gia diễn đàn, từ đó thúc đẩy khả năng tương tác và tư duy phản biện. Trong bối cảnh đó, SV không chuyên ngữ – vốn có ít cơ hội luyện tập giao tiếp tiếng Anh – có thể tận dụng các nền tảng như Facebook, Zalo, TikTok hoặc YouTube để tương tác bằng ngôn ngữ đích một cách linh hoạt và chủ động hơn.

Bên cạnh CLT, lý thuyết học tập xã hội (Social Learning Theory) của Bandura (1977) cũng có ảnh hưởng đáng kể đến việc lý giải hiệu quả học tập thông qua MXH [1]. Theo Bandura, con người học thông qua quá trình quan sát, bắt chước và mô phỏng hành vi của người khác trong môi trường xã hội. Trên MXH, SV có thể học hỏi qua việc xem video luyện phát âm, ghi nhớ mẫu câu từ người bản ngữ hoặc từ bạn học, từ đó áp dụng vào giao tiếp thực tế. Quá trình này không chỉ giúp tăng tính thực tiễn mà còn khuyến khích người học hình thành thói quen học ngoại ngữ trong bối cảnh gần gũi và thân

thiện. Thêm vào đó, mô hình SAMR do Puentedura (2006) phát triển cho phép giáo viên đánh giá mức độ tích hợp công nghệ trong quá trình dạy học.

Ngoài ra, lý thuyết cộng đồng thực hành (Communities of Practice) của Wenger (1998) cũng là một nền tảng lý luận quan trọng [7]. Theo Wenger, người học phát triển kiến thức thông qua việc tham gia vào cộng đồng có cùng mối quan tâm. MXH tạo điều kiện để SV kết nối với các nhóm học Tiếng Anh, nơi họ có thể chia sẻ kinh nghiệm, đặt câu hỏi, nhận phản hồi và hợp tác học tập. Đối với SV không chuyên, đây là cơ hội để học tập một cách tự nhiên, không áp lực, đồng thời gia tăng cảm giác thuộc về cộng đồng học tập. Việc học tập qua MXH – vốn gần gũi với thói quen sống của giới trẻ – góp phần làm tăng hứng thú, tính chủ động và khả năng tự học của SV, đặc biệt là những người không chuyên ngữ vốn thường thiếu tự tin và ít môi trường luyện tập.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu bán cấu trúc vừa kết hợp định lượng để phân tích thống kê vừa tìm hiểu nguyên nhân hoặc lí do, nhằm khảo sát thực trạng sử dụng MXH trong việc học Tiếng Anh giao tiếp của SV không chuyên ngữ tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh, đồng thời phân tích mức độ tiềm năng của việc tích hợp MXH vào hoạt động giảng dạy tiếng Anh giao tiếp. Phương pháp nghiên cứu này cho phép tác giả thu thập dữ liệu thực nghiệm từ người học, từ đó rút ra những nhận định khách quan và có cơ sở khoa học cho các kết luận và khuyến nghị sư phạm.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là SV không chuyên ngữ đang theo học các học phần Tiếng Anh 1 (TA1), Tiếng Anh 2 (TA2) và Anh văn 3 (AV3) tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh. Đây là nhóm người học có đặc điểm chung là sử dụng tiếng Anh chủ yếu phục vụ giao tiếp cơ bản và nhu cầu nghề nghiệp trong tương lai, không theo định hướng đào tạo chuyên sâu về ngôn ngữ.

3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Công cụ thu thập dữ liệu thông qua Google Forms dưới dạng bảng câu hỏi khảo sát, tập trung vào các nội dung: Bảng 1: Thông tin số lượng SV theo học các môn TA1, TA2, và AV3; Bảng 2: Tần suất sử dụng MXH trong quá trình học Tiếng Anh giao tiếp; Bảng 3: Các nền tảng MXH được SV sử dụng phổ biến; Bảng 4: Thời lượng sử dụng MXH cho mục đích học Tiếng Anh; Bảng 5: Mức độ mất tập trung khi học qua MXH; Bảng 6: Thái độ mong muốn của SV đối với việc tích hợp MXH vào lớp học Tiếng Anh giao tiếp; Bảng 7: Đề xuất của SV về hình thức và hoạt động học tập thông qua MXH.

3.4. Quy trình thu thập dữ liệu

Bảng khảo sát được gửi đến SV thông qua hình thức trực tuyến trong quá trình các em đang theo học các học phần tiếng Anh tại trường. Trước khi tiến hành khảo sát, SV được thông báo rõ về mục đích nghiên cứu và cam kết rằng thông tin thu thập chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học. Việc tham gia khảo sát là hoàn toàn tự nguyện. Sau thời gian thu thập, tác giả thu được 135 phiếu khảo sát hợp lệ để tiến hành phân tích.

3.5. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát trực tuyến, sau đó được xử lý bằng thống kê mô tả với các chỉ số tần suất và tỷ lệ phần trăm. Kết quả được trình bày dưới dạng biểu đồ, bảng biểu và phân tích nhằm làm rõ tiềm năng ứng dụng MXH trong giảng dạy tiếng Anh giao tiếp cho SV không chuyên ngữ.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Để biết rõ hơn về thực tế sử dụng MXH của SV không chuyên tiếng Anh tại trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh, tác giả đã gửi bảng câu hỏi đến các SV đã học các môn tiếng Anh 1, tiếng Anh 2 và Anh văn 3 và thu được 135 phản hồi trong đó TA1 chiếm 33%, TA2 chiếm 37% và AV3 chiếm 30%.

Bảng 1: Số lượng môn học SV tham gia khảo sát

Bạn đang theo học ở khóa học nào sau đây?		
Khóa học	Số lượng	Phần trăm
Tiếng Anh 1	44	33
Tiếng Anh 2	50	37
Anh văn 3	41	30

Số liệu cho thấy nền tảng của mẫu khảo sát tương đối đầy đủ, tạo điều kiện tin cậy cho việc đánh giá tần suất sử dụng- nền tảng MXH phổ biến trong người dùng –thời lượng sử dụng - mức độ tập trung- thái độ mong muốn tích hợp – đề xuất của SV đối về hình thức và hoạt động học tập thông qua MXH ở phần phân tích tiếp theo.

Bảng 2: Tần suất sử dụng MXH trong phát triển giao tiếp

Trong quá trình học Tiếng Anh, bạn có sử dụng MXH để hỗ trợ việc phát triển khả năng giao tiếp?			
STT	Tần suất sử dụng	Số lượng	Phần trăm
1	Thường xuyên	60	44.4
2	Thỉnh thoảng	62	46
3	Hiếm khi	11	8.14
4	Không bao giờ	2	1.46

Xét về tần suất thì nhìn chung, đa phần SV sử dụng MXH trong quá trình học các môn TA1, TA2 và AV3. Như có thể thấy từ kết quả khảo sát, hơn 90% SV tham gia khảo sát cho biết họ có sử dụng MXH trong quá trình học các môn học Tiếng Anh và Anh văn từ mức độ thỉnh thoảng cho đến thường xuyên sử dụng. Tuy nhiên vẫn còn một lượng nhỏ hiếm khi dùng hoặc không bao giờ dùng đã được phỏng vấn thì kết quả cho thấy tất cả đều chỉ sử dụng để giải trí hoặc trò chuyện bạn bè bằng tiếng mẹ đẻ, không liên quan đến tiếng Anh. Từ đó làm mất đi lợi ích của MXH mang lại khi người học không sử dụng MXH cho việc học giao tiếp bằng tiếng Anh.

Đa số SV sử dụng MXH học Tiếng Anh giao tiếp là kết quả có thể dự đoán trước được. SV ngày nay sớm đã làm quen với công nghệ, và chắc chắn họ không bỏ qua những lợi ích mà MXH mang lại. Nhưng liệu nền tảng nào sẽ là ưu tiên khi SV chọn để học tập?

Bảng 3: Công cụ MXH được tin dùng nhiều giúp SV cải thiện giao tiếp tiếng Anh

Bạn thường xuyên sử dụng những MXH nào sau đây để cải thiện giao tiếp tiếng Anh? (chọn tối đa 3)			
STT	Tần suất sử dụng	Số lượng	Phần trăm
1	Facebook	45	33.3
2	TikTok	57	42.3
3	Instagram	25	18.5
4	YouTube	8	5.9

Theo kết quả bảng khảo sát số 3 về việc sử dụng MXH để cải thiện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho thấy TikTok đang là nền tảng được SV không chuyên ngữ tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh ưa chuộng nhất, với 57 lượt chọn, chiếm 42.3%. Điều này phản ánh xu hướng học tập qua video ngắn, sinh động, dễ hiểu và mang tính giải trí cao của thế hệ trẻ hiện nay. Facebook đứng thứ hai với 45 SV lựa chọn (33.3%), cho thấy MXH truyền thống này vẫn giữ vai trò hỗ trợ học tập, đặc biệt qua các nhóm học tập, livestream hoặc video chia sẻ kiến thức. Instagram được 25 SV chọn (18.5%), chủ yếu phục vụ việc học thông qua hình ảnh, story, và các nội dung ngắn mang tính thị giác cao. Ngược lại, YouTube – nền tảng có nhiều tài nguyên học Tiếng Anh phong phú – lại chỉ được 8 SV lựa chọn (5.9%), cho thấy có thể do thời lượng video dài không phù hợp với thói quen học nhanh, tiện lợi. Từ số liệu trên, giảng viên có thể khai thác TikTok và Facebook như công cụ hỗ trợ hiệu quả trong giảng dạy tiếng Anh giao tiếp cho đối tượng SV không chuyên ngữ.

Song song với những số liệu trên thì chúng ta có thể hoàn toàn tin tưởng rằng SV đã thông thạo sử dụng MXH để cải thiện tiếng Anh nhưng trên thực tế qua cuộc khảo sát cho thấy phần lớn SV không chuyên ngữ tại trường dành thời gian tương đối hạn chế cho hoạt động này.

Bảng 4: Thời lượng sử dụng MXH trong học tập Tiếng Anh giao tiếp

Bạn sử dụng MXH bao lâu mỗi ngày cho việc học giao tiếp Tiếng Anh?			
STT	Mức độ đánh giá	Số lượng	Phần trăm
1	Dưới 1 giờ	67	49.6
2	1–2 giờ	45	33.3
3	2–4 giờ	23	17.1
4	Trên 4 giờ	0	0

Cụ thể, có đến 67 SV (49,6%) chỉ dành dưới 1 giờ mỗi ngày để học Tiếng Anh qua MXH. Tiếp theo là nhóm dành 1–2 giờ, chiếm 33,3%, và chỉ có 17,1% SV học từ 2–4 giờ. Đáng chú ý, không có SV nào dành hơn 4 giờ mỗi ngày cho việc học Tiếng Anh qua MXH. Số liệu này phản ánh rằng mặc dù SV có xu hướng sử dụng MXH để phục vụ học tập, song thời lượng sử dụng vẫn còn khá khiêm tốn. Điều này có thể bắt nguồn từ việc thiếu định hướng rõ ràng hoặc do SV chủ yếu sử dụng MXH với mục đích giải trí. Bên cạnh thời gian sử dụng MXH học tập thì theo dữ liệu khảo sát bảng 5 cho thấy lí do thời lượng SV sử dụng MXH để học Tiếng Anh ít vì sợ mất tập trung khi học là một yếu tố cần được xem xét nghiêm túc trong quá trình thiết kế hoạt động giảng dạy.

Bảng 5: Tần suất mất tập trung trong lúc học qua MXH

Bạn có mất tập trung trong lúc học qua MXH?			
STT	Tần suất mất tập trung trong lúc học	Số lượng	Phần trăm
1	Thường xuyên	38	28
2	Thỉnh thoảng	40	30
3	Hiếm khi	30	22
4	Không bao giờ	27	20

Dữ liệu ở Bảng 5 cho thấy tình trạng mất tập trung của người học khi học Tiếng Anh thông qua MXH diễn ra với tần suất khá cao. Cụ thể, 30% người tham gia khảo sát cho biết họ thỉnh thoảng bị mất tập trung, trong khi 28% thừa nhận tình trạng này xảy ra thường xuyên. Như vậy, tổng cộng 58% người học gặp hiện tượng mất tập trung ở các mức độ khác nhau khi sử dụng MXH cho mục đích học tập. Ngược lại, 22% người học cho biết họ hiếm khi mất tập trung và 20% khẳng định họ không bao giờ bị xao nhãng. Kết quả này cho thấy mặc dù MXH có tiềm năng hỗ trợ việc dạy và học Tiếng Anh, song nếu không có sự hướng dẫn phù hợp, yếu tố gây xao nhãng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả học tập của người học. Mặc dù có những lo lắng ảnh hưởng tới kết quả tập trung trong SV khi học Tiếng Anh qua MXH nhưng trong bảng 6 đã giải quyết bài toán cho giáo viên có nên áp dụng MXH trong lớp để dạy hay không.

Bảng 6: Thái độ mong muốn của SV

Bạn có mong muốn giáo viên tích hợp các hoạt động sử dụng MXH trong lớp học không?			
STT	Thái độ mong muốn tích hợp các hoạt động sử dụng MXH trong lớp học	Số lượng	Phần trăm
1	Có, rất mong muốn	82	60.7
2	Có	53	39.3
3	Không quan tâm	0	0
4	Không đồng ý	0	0

Kết quả trình bày ở Bảng 6 cho thấy thái độ của SV đối với việc tích hợp các hoạt động sử dụng MXH trong lớp học là rất tích cực. Cụ thể, 60,7% SV cho biết họ rất mong muốn giáo viên áp dụng MXH vào giảng dạy, trong khi 39,3% đồng ý với đề xuất này. Đáng chú ý, không có SV nào thể hiện thái độ không quan tâm hoặc không đồng ý. Điều này phản ánh sự sẵn sàng cao của SV trong việc tiếp nhận các phương pháp giảng dạy mới dựa trên MXH, đồng thời cho thấy MXH được người học nhìn nhận như một công cụ hỗ trợ hiệu quả, góp phần tăng hứng thú và sự tham gia tích cực trong quá trình học Tiếng Anh. Trên cơ

sở thái độ tích cực và mong muốn cao của SV đối với việc tích hợp MXH vào hoạt động giảng dạy tiếng Anh (Bảng 6), nghiên cứu tiếp tục khảo sát những hình thức cụ thể mà SV đề xuất áp dụng trong lớp học Tiếng Anh giao tiếp nhằm làm rõ cách thức triển khai phù hợp với nhu cầu và kỳ vọng của người học.

Bảng 7: Hình thức áp dụng trong lớp học Tiếng Anh giao tiếp

Bạn đề xuất hình thức nào sau đây nên được áp dụng trong lớp học Tiếng Anh giao tiếp?			
STT	Hình thức áp dụng	Số lượng	Phần trăm
1	Làm video giới thiệu bản thân/chủ đề yêu thích	26	19.3
2	Tổ chức “minigame” trực tuyến trên Facebook/Ticktok	45	33.3
3	Thành lập nhóm chia sẻ học liệu	20	14.8
4	Làm podcast nhóm về chủ đề giao tiếp thực tế	44	32.6

Kết quả ở Bảng 7 cho thấy SV đề xuất nhiều hình thức ứng dụng MXH trong lớp học Tiếng Anh giao tiếp, trong đó được lựa chọn nhiều nhất là tổ chức minigame trực tuyến (33,3%) và thực hiện podcast nhóm về các chủ đề giao tiếp thực tế (32,6%). Các hình thức này phản ánh xu hướng ưu tiên những hoạt động mang tính tương tác cao, tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng nói và giao tiếp bằng tiếng Anh. Bên cạnh đó, làm video giới thiệu bản thân/chủ đề yêu thích (19,3%) và thành lập nhóm chia sẻ học liệu (14,8%) cũng được SV quan tâm ở mức độ thấp hơn. Liên hệ với kết quả ở Bảng 6, có thể thấy mong muốn tích hợp MXH vào giảng dạy của SV đã được cụ thể hóa bằng các đề xuất rõ ràng về hình thức triển khai trong lớp học.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã cung cấp một cái nhìn toàn diện về thực trạng vận dụng MXH trong việc học Tiếng Anh giao tiếp của SV không chuyên ngữ tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát cho thấy MXH đã trở thành một phần quen thuộc trong đời sống học tập của SV, với hơn 90% người tham gia nghiên cứu sử dụng các nền tảng này ở các mức độ khác nhau để hỗ trợ việc học Tiếng Anh. Điều này phản ánh sự thay đổi rõ rệt trong thói quen học tập của SV trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ truyền thông. Bên cạnh đó, nghiên cứu chỉ ra rằng TikTok và Facebook là hai nền tảng được SV ưu tiên lựa chọn nhờ tính trực quan, sinh động và khả năng tương tác cao. Tuy nhiên, thời lượng sử dụng MXH cho mục đích học tập vẫn còn khá khiêm tốn, đồng thời tình trạng mất tập trung khi học qua MXH vẫn tồn tại ở mức đáng kể. Đây là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu quả học tập nếu thiếu sự định hướng và kiểm soát phù hợp. Đáng chú ý, kết quả nghiên cứu cho thấy SV có thái độ rất tích cực và mong muốn cao đối với việc tích hợp MXH vào các hoạt động giảng dạy tiếng Anh giao tiếp trong lớp học. Các hình thức được đề xuất như tổ chức minigame trực tuyến, thực hiện podcast nhóm hay sản xuất video giao tiếp phản ánh nhu cầu được học tập trong môi trường linh hoạt, tương tác và gắn với thực tiễn. Từ đó có thể khẳng định rằng việc vận dụng MXH trong giảng dạy tiếng Anh giao tiếp cho SV không chuyên ngữ là khả thi và có tiềm năng mang lại hiệu quả tích cực nếu được triển khai một cách có hệ thống và phù hợp với mục tiêu đào tạo.

5.2. Khuyến nghị

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng MXH trong giảng dạy và học Tiếng Anh giao tiếp cho SV không chuyên ngữ tại Trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh.

5.2.1. Đối với giảng viên

Cần chủ động thiết kế và tích hợp các hoạt động học tập dựa trên MXH theo định hướng sư phạm rõ ràng, gắn với mục tiêu phát triển kỹ năng giao tiếp cho SV. Các nền tảng phổ biến như TikTok và Facebook nên được khai thác thông qua những nhiệm vụ học tập cụ thể như làm video ngắn, tổ chức minigame, thảo luận nhóm hoặc thực hiện podcast theo chủ đề giao tiếp thực tế, gửi email, để áp dụng và nâng cao dần. Đồng thời, giảng viên cần hướng dẫn SV cách sử dụng MXH một cách có chọn lọc nhằm hạn chế tình trạng mất tập trung trong quá trình học với những mục tiêu rõ ràng từng ngày, từng buổi học thật chi tiết và có đánh giá kiểm soát của giảng viên.

5.2.2. Đối với sinh viên

Cần nâng cao ý thức tự học và quản lý thời gian khi sử dụng MXH cho mục đích học tập. Việc tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trực tuyến, chia sẻ học liệu và tương tác bằng tiếng Anh trên MXH sẽ góp phần cải thiện khả năng giao tiếp cũng như xây dựng môi trường học tập cộng tác hiệu quả.

5.2.3. Đối với Khoa và Nhà trường

Cần có định hướng và chính sách hỗ trợ việc ứng dụng công nghệ và MXH trong giảng dạy ngoại ngữ, thông qua việc tổ chức các buổi tập huấn cho giảng viên, khuyến khích đổi mới phương pháp giảng dạy và xây dựng các cộng đồng học tập trực tuyến cho SV. Ngoài ra, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát hoặc kết hợp phương pháp thực nghiệm nhằm đánh giá sâu hơn tác động của từng nền tảng MXH đối với việc phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của SV không chuyên ngữ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bandura, A. (1977). *Social learning theory*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
 - [2] Kaplan, A. M., & Haenlein, M. (2010). *Users of the world, unite! The challenges and opportunities of social media*. Business Horizons, 53(1), 59–68.
 - [3] Monica, M., & Anamaria, C. (2014). *Social media and education*. Procedia – Social and Behavioral Sciences, No. 141, pp. 576–580.
 - [4] Puentedura, R. R. (2006). *Transformation, technology, and education*. SAMR model framework.
 - [5] Richards, J. C. (2006). *Communicative language teaching today*. Cambridge: Cambridge University Press.
 - [6] Tess, P. A. (2013). *The role of social media in higher education classes (real and virtual): A literature review*. Computers in Human Behavior, 29(5), A60–A68.
 - [7] Wenger, E. (1998). *Communities of practice: Learning, meaning, and identity*. Cambridge: Cambridge University Press
-

GỢI Ý MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY...

Tiếp theo trang 167

3. Kết luận

Sở hữu KNTT tốt tạo thuận lợi lớn cho quá trình giao tiếp, truyền tải ý tưởng và kết nối tri thức trong môi trường quốc tế. Trong quá trình học Tiếng Anh, KNTT không chỉ giúp SV làm chủ ngôn ngữ, cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng chuyên ngành mà còn rèn luyện tư duy phản biện cùng phong thái tự tin trước đám đông. Thông qua việc trình bày các chủ đề đa dạng, SV có cơ hội mở rộng vốn hiểu biết về đời sống xã hội, kiến thức khoa học và văn học, từ đó nâng cao năng lực biểu đạt và khẳng định bản sắc cá nhân. Trong bài viết này, tác giả đã trình bày một số phương pháp giảng dạy KNTT nhằm bồi dưỡng kỹ năng, chuẩn bị hành trang vững vàng cho SV bước vào môi trường làm việc hội nhập và mức độ cạnh tranh cao như hiện nay. Nhiệm vụ của GV là lựa chọn, áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp với năng lực và đam mê của SV nhằm khơi dậy hứng thú trong việc rèn luyện KNTT để các em vững vàng trong chặng đường tương lai và tìm kiếm những cơ hội việc làm xứng đáng. Bên cạnh đó, chính SV cũng cần duy trì thói quen luyện tập, giữ vững tinh thần tự giác và sự kiên trì bền bỉ để có thể thực sự làm chủ KNTT tiếng Anh của bản thân.

Tài liệu tham khảo

- [1] Adiraju Venkata Bharathi (2011). *Communication Skills - Core of Employability Skills: Issues & Concerns*. Higher Learning Research Communications, Volume 1, Issue 1, pp. 1-5.
- [2] Albert Mehrabian (1971). *Silent Messages: Implicit Communication of Emotions and Attitudes*. Wadsworth Publishing Company.
- [3] Allan Urho Paivio (1971). *Imagery and Verbal Processes*. Holt, Rinehart and Winston.
- [4] Fatemeh Bambaerloo & Nasrin Shokrpour (2017). *The impact of the teachers' non-verbal communication on success in teaching*. Journal of Advances in Medical Education & Professionalism, Volume 5, Issue 2, pp. 51-59.
- [5] Garr Reynolds (2008). *Presentation Zen: Simple Ideas on Presentation Design and Delivery*. New Riders .
- [6] John Joseph Medina (2008). *Brain Rules: 12 Principles for Surviving and Thriving at Work, Home, and School*. Pear Press.
- [7] John Sweller (1988). *Cognitive load during problem solving: Effects on learning*. Cognitive Science, Volume 12, Issue 2, pp. 257-285.
- [8] John William Thomas (2000). *A Review of Research on Project-Based Learning*. The Autodesk Foundation.
- [9] Stephen Edmund Lucas (1983). *The Art of Public Speaking*. McGraw-Hill Education.
- [10] Trần Thị Tuyết (2013). *Factors affecting teaching and learning English in Vietnamese universities*. The International Journal of Language, Society and Culture, Volume 38, Issue 1, pp. 138-145.